

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HÀ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 03 - 6 - 2021.

V/v : Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HÀ, TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hương Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đức Thông.

2. Bà Nguyễn Kim Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2021/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 3 năm 2021 về “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXX-ST ngày 10 tháng 05 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25/5/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh Nguyễn Văn L1, sinh năm 1987.

Nơi ĐKKHKT: Thôn 1, xã H1 huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Chỗ ở: Khu Q1, thị trấn Q2, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: chị Trương Thị L2, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn 6, xã Q3, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 01/3/2021 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn anh Nguyễn Văn L1 trình bày: anh và chị Trương Thị L2 đăng ký kết hôn ngày 03/12/2014 tại Ủy ban nhân dân xã V1, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Anh và chị L2 sinh sống đến tháng 7 năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra xô xát, cãi vã. Anh và chị L2 đã nhiều lần tự hòa giải nhưng không đạt kết quả. Những mâu thuẫn trên đã thật sự sâu sắc, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trương Thị L2.

Về con chung: Anh và chị Trương Thị L2 có 01 con chung là cháu Nguyễn Quang H1, sinh ngày 14/4/2016. Nay ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao cháu H1 cho chị Trương Thị L2 nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi. Hàng tháng anh sẽ cấp dưỡng nuôi con với số tiền 2.000.000đ/tháng từ tháng 03 năm 2021 đến khi cháu Nguyễn Quang H1 đủ 18 tuổi và có quyền qua lại thăm nom con chung 01 lần/tháng, không quá 18 giờ cùng ngày – vào ngày cuối tuần.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh và chị Trương Thị L2 không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí Tòa án: Anh Nguyễn Văn L1 xin chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

- Quá trình giải quyết vụ án và tại các phiên hòa giải, chị Trương Thị L2 có quan điểm:

Về tình cảm: Chị thống nhất với anh Nguyễn Văn L1 về thời gian, địa điểm kết hôn như anh L1 trình bày là đúng sự thật. Chị thừa nhận, vợ chồng chị sống hạnh phúc đến tháng 8 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh L1 có quan hệ với người phụ nữ khác. Tuy nhiên, nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, nên chị đề nghị Tòa án hòa giải cho chị với anh Nguyễn Văn L1 đoàn tụ với nhau để nuôi dạy con.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn Lý có 01 con chung là cháu Nguyễn Quang H1, sinh ngày 14/4/2016. Nếu anh L1 vẫn muốn ly hôn thì chị sẽ nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu H1 đến khi đủ 18 tuổi. Anh L1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu H1 số tiền 2.000.000đ/tháng kể từ tháng 03/2021 đến khi cháu đủ 18 tuổi (số tiền này hàng tháng anh L1 phải chuyển vào số tài khoản của chị tại Ngân hàng Agribank) và có quyền qua lại thăm nom con chung 01 lần/tháng, không quá 18 giờ cùng ngày, vào ngày cuối tuần.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh Nguyễn Văn L1 không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Văn L1 phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú của chị Trương Thị L2 được biết:

Về tình cảm: Hiện nay chị Trương Thị L2 và cháu Nguyễn Quang H1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 6 xã Q3, huyện Hải Hà. Sau khi kết hôn, anh L1 và chị L2 chung sống đến tháng 8 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh L1 có quan hệ với người phụ nữ khác. Anh L1 và chị L2 đã ly thân từ tháng 10/2020 đến nay. Tình trạng hôn nhân của anh L1 và chị L2 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Về con chung: anh, chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Quang H1, sinh ngày 14/4/2016. Hiện nay chị L2 đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hà tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến

hành tố tụng theo đúng các trình tự thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hà đề nghị: Về quan hệ hôn nhân: Cuộc sống hôn nhân của anh L1 và chị L2 không hạnh phúc, các bên đã ly thân trong thời gian dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho anh Nguyễn Văn L1 được ly hôn với chị Trương Thị L2.

Về con chung: Anh L1 và chị L2 có 01 con chung là cháu Nguyễn Quang H1, sinh ngày 14/4/2016. Căn cứ vào sự thỏa thuận của các bên trong quá trình giải quyết vụ án, đề nghị Tòa án căn cứ vào các Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân gia đình, giao cháu H1 cho chị L2 nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu H1 đến khi đủ 18 tuổi. Anh L1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu H1 số tiền 2.000.000đ/tháng kể từ tháng 03/2021 đến khi cháu đủ 18 tuổi và có quyền qua lại thăm nom con chung 01 lần/tháng, không quá 18 giờ cùng ngày, vào ngày cuối tuần.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: anh Nguyễn Văn L1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn chị Trương Thị L2 đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 6, xã Q3, huyện Hải Hà, nên căn cứ theo điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh.

[2] Về quá trình tiến hành tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, **Quyết định hoãn phiên tòa** cho các đương sự. Đồng thời đã tiến hành hòa giải để các đương sự có thể đoàn tụ với nhau nhưng không đạt kết quả. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Nguyễn Văn L1 vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, **bị đơn là chị Trương Thị L2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do**. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, **Điều 238** Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Hải Hà vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 03/12/2014, anh Nguyễn Văn L1 và chị Trương Thị L2 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Tiến, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Hôn nhân của anh, chị là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, đến tháng 07/2018 thì anh L1 và chị L2 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh L1 có quan hệ với người phụ nữ khác. Từ tháng 10/2020 đến nay, anh chị đã ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tạo điều kiện để các đương sự hòa giải về đoàn tụ với nhau nhưng anh L1 kiên quyết yêu cầu Tòa án cho anh được ly hôn với chị L2 vì tình cảm không còn.

Chị Trương Thị L2 có quan điểm vẫn còn tình cảm với anh L1 và mong muốn hòa giải. Tuy nhiên chị không đưa ra được phương án để cải thiện tình trạng hôn nhân của vợ chồng. Không tham gia phiên tòa với mục đích gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa anh Nguyễn Văn L1 và chị Trương Thị L2 là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh L1 đối với chị L2 là phù hợp với thực trạng quan hệ hôn nhân của anh chị, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn L1 và chị Trương Thị L2 đều thống nhất, anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Quang H1, sinh ngày 14/4/2016. Thấy rằng, cháu H1 hiện nay còn nhỏ và hiện đang do chị L2 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; chị L2 có công việc và thu nhập ổn định, có đầy đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dạy con. Mặt khác, tại các phiên hòa giải, quan điểm của anh L1 tại Đơn xin xét xử vắng mặt, các đương sự đều đề nghị Tòa án giao cháu H1 cho chị L2 nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Anh L1 sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu H1 với số tiền 2.000.000đ/tháng kể từ tháng 03/2021 đến khi cháu đủ 18 tuổi và có quyền qua lại thăm nom con chung 01 lần/tháng, không quá 18 giờ cùng ngày, vào ngày cuối tuần.

Căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao cháu Nguyễn Quang H1 cho chị Trương Thị L2 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và buộc anh Nguyễn Văn L1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu H1 với số tiền 2.000.000đ/tháng, kể từ tháng 3/2021 đến khi cháu đủ 18 tuổi, có quyền qua lại thăm nom con chung 01 lần/tháng, vào ngày cuối tuần là có căn cứ và đúng pháp luật.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Văn L1 và chị Trương Thị L2 đều thống nhất không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

[6] Về án phí: Theo quy định tại khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn L1 phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trước khi Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử hai đương sự đã thống nhất được việc người trực tiếp nuôi con và người cấp dưỡng nuôi con nên anh L1 là người có nghĩa vụ cấp dưỡng phải chịu 50% mức án phí dân sự sơ thẩm như đối với trường hợp vụ án dân sự không có giá ngạch được quy định tại điểm b khoản 6 điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, **Điều 238**; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1,2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Văn L1 được ly hôn với chị Trương Thị L2.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quang H1, sinh ngày 14/4/2016 cho chị Trương Thị L2 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục **kể từ tháng 6 năm 2021** đến cháu H1 thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Nguyễn Văn L1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu H1 với số tiền 2.000.000đ/tháng, kể từ tháng 03/2021 đến khi cháu đủ 18 tuổi; có quyền qua lại thăm nom con chung 01 lần/tháng, không quá 18 giờ cùng ngày (vào ngày cuối tuần).

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn L1 phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: **AA/2018/0006955 ngày 01 tháng 3 năm 2021** tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh. Anh Nguyễn Văn L1 đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn L1 phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi thường trú.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hải Hà;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS huyện Hải Hà;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- UBND xã Vĩnh Tiến, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu VP; hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đỗ Thị Hương Lan